



**SOCIAL CLASSES IN RURAL VIETNAM UNDER THE DYNASTIES:
LY AND TRAN (11th - 14th Centuries)**

Hoang Thi Thu Dung

Tan Trao University, Viet Nam

Email address: hoangthithudung@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2024/1131>

Article info

Received: 26/11/2023

Revised: 24/02/2024

Accepted: 28/02/2024

Keywords:

*Dynasty, countryside,
class*

Abstract:

Our country's history from the 11th - 14th centuries, through the two dynasties Ly (1009-1225) and Tran (1226-1400), has left behind glorious and proud pages of history of struggle to defend and build the country, and formed the unique Dai Viet civilization. The central and local government systems are increasingly developed and regulated. After a development lasting more than two centuries, by the Tran dynasty, a village government department was formed and officially named in the royal official system. In the 13th century, the Tran dynasty had a tighter grip on the administrative apparatus and the village management department in the four-level administrative system of the centralized monarchy state. With strict government from central to local levels, social classes are increasingly clear, especially in rural areas. Main classes: elder class; rich class; peasant class; class of serfs and slaves.



CÁC TẦNG LỚP XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM DƯỚI TRIỀU ĐẠI LÝ, TRẦN (Thế kỷ XI – XIV)

Hoàng Thị Thu Dung

Trường Đại học Tân Trào, Viet Nam

Địa chỉ email: hoangthithudung@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2024/1131>

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

26/11/2023

Ngày sửa bài: 24/02/2024

Ngày duyệt đăng:

28/02/2024

Từ khóa:

Triều đại, nông thôn,
tầng lớp.

Tóm tắt

Lịch sử nước ta từ thế kỷ XI – XIV, trải qua hai triều đại Lý (1009-1225), Trần (1226-1400) đã để lại những trang sử vẻ vang và tự hào về lịch sử đấu tranh giữ nước, dựng nước và hình thành nền văn minh Đại Việt đặc sắc. Hệ thống chính quyền trung ương và địa phương ngày càng phát triển, quy củ. Trải qua sự phát triển kéo dài hơn hai thế kỷ, đến triều đại Trần, một bộ phận chính quyền làng xã đã được hình thành và chính thức có tên trong hệ thống quan chức của triều đình. Thế kỷ XIII, vương triều Trần đã nắm chặt hơn bộ máy hành chính, bộ phận quản lý làng xã trong hệ thống bộ máy hành chính chủ yếu gồm 4 cấp của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Với chính quyền chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, các tầng lớp xã hội ngày càng rõ rệt, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Các tầng lớp chính: tầng lớp kỳ lão; tầng lớp nhà giàu; tầng lớp nông dân; tầng lớp nông nô, nô tì.

1. Giới thiệu

Nước ta hiện nay với phân đông dân số là nông dân, số dân này sống tập trung ở những vùng nông thôn trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Từ thực tế và yêu cầu phát triển của đất nước, nhận thức của Đảng và Nhà nước là ngày càng quan tâm đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tổng thể sự phát triển chung của đất nước. Việt Nam là nước có nền kinh tế nông nghiệp đóng vai trò then chốt. Đi đôi với nền kinh tế nông nghiệp là một xã hội nông thôn chiếm vị trí quan trọng đối với sự phát triển chung của đất nước qua tất cả các thời kỳ lịch sử. Do vậy việc nghiên cứu vấn đề nông

thôn Việt Nam thời Lý, Trần để đưa ra những nhận xét, đánh giá về tình hình nông thôn và vai trò của khu vực nông thôn trong tiến trình lịch sử dân tộc sẽ góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp xây dựng và đổi mới nông thôn hiện nay của đất nước. Mặc dù đã có rất nhiều những công trình khoa học của nhiều nhà sử học nghiên cứu về hai triều đại Lý, Trần nhưng hiện nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề nông thôn thời Lý, Trần (thế kỷ XI – XIV). Bài báo tập trung nghiên cứu về các tầng lớp ở nông thôn Việt Nam dưới triều đại Lý, Trần bước đầu khôi phục bức tranh về bộ mặt nông thôn nước ta thế kỷ XI – XIV.

2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu

Lịch sử nước ta từ thế kỷ XI – XIV, trải qua hai triều đại Lý (1009-1225), Trần (1226-1400) đã để lại những trang sử vẻ vang và tự hào. Nhiều nhà sử học đã tập trung nghiên cứu và đưa ra những đóng góp khoa học để làm sáng tỏ sự hình thành, quá trình tồn tại, phát triển của hai triều đại. Trong những nỗ lực đó, nhiều sách, luận văn, nhiều công trình đã hướng đến những vấn đề nghiên cứu như: cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ độc lập, chính sách ngoại giao ... Trong các sách thông sử xuất bản, nổi bật là cuốn *Lịch sử chế độ phong kiến Việt nam*, tác giả Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn; cuốn *Lịch sử Việt Nam thế kỷ VII* của tác giả Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Đức Nghinh; cuốn *"Tiến trình lịch sử Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên)... với các sách đã được xuất bản về hai triều đại Lý và Trần, những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đã được phản ánh với những mức độ khác nhau, trong đó kinh tế nông nghiệp thường được các tác giả chú trọng nghiên cứu.

Tác giả Nguyễn Thị Phương Chi là người đi sâu nghiên cứu về lịch sử Việt Nam trung đại. Tác giả đã có nhiều bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành và xuất bản nhiều sách về thời kỳ này. Cuốn trong cuốn *"Thái ấp - điền trang thời Trần (thế kỷ XIII – XIV)"*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2020, tác giả đã đi sâu về tình hình xã hội Đại Việt thời Trần trên các mặt kinh tế, chính trị, tổ chức chính quyền. Tác phẩm đã đi sâu nghiên cứu về các thái ấp, điền trang của vương hầu, quý tộc Trần ở khắp lãnh thổ Đại Việt chủ yếu là ở vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Thanh – Nghệ Tĩnh với đặc điểm kinh tế, xã hội của nó. Mặc dù có nhiều sách thông sử, sách nghiên cứu, luận văn, nhiều bài báo, hội thảo về hai triều đại Lý, Trần. Nhưng cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề các tầng lớp xã hội ở nông thôn Việt Nam thời Lý, Trần. Đó cũng là nhiệm vụ đặt ra cho tác giả khi nghiên cứu nội dung này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo tập trung vào nghiên cứu về các tầng lớp xã hội ở nông thôn Việt Nam dưới hai triều đại Lý (1009-1225), Trần (1226-1400). Xuất phát từ đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả đã kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu: Về phương pháp luận, tác giả sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic. Phương pháp lịch sử để dựng lại một cách khái quát về bộ mặt nông thôn thời Lý, Trần trong các thế kỷ XI - XIV. Phương pháp logic rút ra một số nhận xét, đánh giá về nông thôn Lý, Trần, những mặt tích cực và hạn chế, đồng thời chỉ rõ những mặt tích cực cần phát huy và những điểm khác biệt so với các triều đại phong kiến khác. Về phương pháp cụ thể, trong quá trình thực hiện tác giả sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp đối chiếu so sánh để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Thông qua hệ thống hành chính và hệ thống quan lại địa phương đến tận cấp xã, nhà Lý, Trần đã quản lý khá chặt chẽ các địa phương trong cả nước. Cũng qua đó một số chính sách quan trọng của triều đình được thực hiện đến tận cấp xã. Điều đó giúp hai triều đại tăng cường quản lý, thu phục làng, xã trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vương triều. Ở khu vực nông thôn dưới thời Lý, Trần, tầng lớp chiếm số lượng đông đảo nhất chính là tầng lớp nông dân. Tầng lớp có uy tín trong dân là tầng lớp kỳ lão. Tầng lớp có địa vị thấp hèn nhất là nô tỳ. Nhìn chung, các tầng lớp nhân dân trong xã hội ở nông thôn Lý, Trần là khá phong phú. Trong đó, sự phân tầng xã hội là khá rõ nhưng khoảng cách còn gần, cho phép sự tiếp xúc gần gũi, bình dị giữa dân và tầng lớp quý tộc, quan liêu và nhà vua.

Tầng lớp kỳ lão

Dưới hai triều đại Lý, Trần, tầng lớp người cao tuổi được gọi là kỳ lão. Vai trò của các kỳ lão là rất lớn. Họ là tầng lớp có uy tín trong xã hội nông thôn. Ở các làng, xã, kỳ lão và hội đồng trưởng lão là những người đại diện cho nhân dân làm lễ tế

thần, chia công điền và giải quyết những công việc chung. Hội đồng trưởng lão về nhiều mặt rất có uy tín với nhân dân. “*Các kỳ lão vẫn còn là thành phần lãnh đạo cơ sở hạ tầng xã hội Lý, Trần; chủ yếu vai trò của hội đồng trưởng lão là tế thần và chia công điền. Nếu mất công điền - khâu phân thì họ mất quyền lực cơ bản như sau này lịch sử sẽ chứng minh. Kỳ lão với hội đồng trưởng lão vẫn không chế xã mặc dù triều đình thử đặt xã quan dưới nhiều danh hiệu khác nhau nhưng vẫn khi đặt khi bỏ*” (Complete History of Dai Viet, 1983).

Với vai trò lớn của các kỳ lão ở nông thôn, các vua Lý, rất quan tâm đến tầng lớp này “*Thời Lý, bên cạnh hệ thống chính quyền cấp xã có chức năng làm sổ hộ tịch, thu thuế, tuyển lính và lao dịch lại tồn tại song song một hệ thống quyền lực khác mang tính chất dân cử có chức năng nội bộ như hòa giải, tranh chấp, tổ chức những cuộc hội họp tập thể, đó là quyền lực của tầng lớp bộ lão*” (Institute of History, 1981). Sang triều Trần, mặc dù triều đình có đặt chức xã quan để quản lí các làng xã, tuy vậy tại các làng, với vai trò quan trọng của các kỳ lão nên chức xã quan có khi đặt ra có khi lại bỏ. Các vua triều Trần rất quan tâm đến các kỳ lão. Năm 1321, vua Trần Thái Tông ngự đến hành cung Tứ Mặc, vừa làm lễ hưởng tiên miếu vừa ban yến cho các bộ lão và thưởng lụa theo thứ bậc. Năm 1242, cùng với việc quy định chức quan cấp lộ, phủ, trấn xã triều đình còn quy định tuổi lên lão của nhân dân “*...60 tuổi gọi là lão, già lắm thì gọi là long lão*” (Nguyễn Quang Ngọc, 2009).

Ngoài việc được các vị vua quan tâm, các kỳ lão còn được tham gia chính sự. Khi quân Mông - Nguyên chuẩn bị xâm lược Đại Việt lần thứ hai, Thượng hoàng Trần Thánh Tông triệu tập các vị phụ lão trong cả nước về kinh đô Thăng Long để trưng cầu dân ý, hỏi về chủ trương hòa hay chiến. Các vị phụ lão khắp nơi đại diện cho nhân dân đã về dự để bàn kế sách giữ nước. “*Tháng 12, Trần Phủ từ Nguyên trở về, tâu rằng vua Nguyên sai bọn thái tử Trấn nam vương Thoát Hoan, bình chương A Lạt và A Lí Hải Nha đem quân lấy cớ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường vào*

cướp nước ta. Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến tiệc và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói “đánh”, muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng” (Nguyễn Quang Ngọc, 2009).

Xuất phát từ tinh thần yêu nước, các phụ lão đã không chỉ thống nhất ý chí và hành động với vua tôi nhà Trần mà họ còn là tấm gương yêu nước ở làng quê, trong các cuộc kháng chiến. Việc mời các bộ lão đến dự hội nghị Diên Hồng càng thể hiện vai trò của tầng lớp này trong việc giúp vua giải quyết những công việc lớn liên quan đến vận mệnh quốc gia.

Tầng lớp nhà giàu

Tầng lớp nhà giàu ở khu vực nông thôn bao gồm những địa chủ, quan chức nhỏ sống ở nông thôn, thương gia và tiểu nông có ruộng tư. Ngoài ra còn bao gồm một số quý tộc sống ở vùng nông thôn. Mặc dù tầng lớp nhà giàu không được chính sử viết nhiều, nhưng qua tư liệu văn bia, ta có thể thấy được tầng lớp nhà giàu ở nông thôn Đại Việt dưới hai triều Lý, Trần. Nhiều khi nhà nước cũng phải nhờ cậy vào tài sản của họ, như huy động thóc gạo khi mất mùa, đói kém để phát chẩn cho dân, huy động lương thực để nuôi quân đánh giặc... Tầng lớp dân giàu có ở nông thôn rất nhiều người có thể lực. Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép sự kiện Ngô Dẫn một nhà giàu bị tịch thu gia sản vào năm 1363 “*tháng 6, tịch thu gia sản của Ngô Dẫn, trại chủ xã Đại Lai. Trước đây, về đời Minh Tông, cha Dẫn bắt được một viên ngọc rất rất lớn, đem đến Vân Đồn. Các thuyền buôn tranh nhau mua. Một người chủ thuyền muốn được vật lạ đó, dúc hết của cải để mua. Dẫn do vậy trở nên giàu có. Minh Tông đem công chúa Nguyệt Sơn gả cho Dẫn. Dẫn cậy giàu có, thông dâm với người con gái khác, lại có những lời lăng nhục công chúa. Công chúa đem việc ấy tâu vua. Dẫn được tha tội chết, nhưng bị tịch thu tài sản*”. Trong xã hội cũng có những người giàu hoặc những nhà dư giả tiền bạc, họ bỏ tiền ra mua ruộng công làm ruộng tư và nhà nước cũng cho phép bán ruộng công cho dân. Cụ thể năm Giáp dần (1254) “*tháng 6, bán ruộng*

công, mỗi diện là 5 quan tiền (bấy giờ gọi mẫu là diện), cho phép nhân dân mua làm ruộng tư” (Nguyen Quang Ngoc, 2009).

Tầng lớp nhà giàu với thế lực kinh tế cũng đã chia sẻ trách nhiệm của mình với triều đình và cộng đồng. *“Trong cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên đời Trần, Trần Hưng Đạo đã kêu gọi các nhà giàu nộp thóc để cung cấp quân lương. Tư liệu địa phương cho biết một “phụ nữ giàu có” ở thôn Phú Lương (Thủy Nguyên, Hải Phòng) đã bỏ thóc, tiền ra giúp quân lương của Trần Hưng Đạo trên đường hành quân ra cửa Bạch Đằng. Nhà họ Trần Thời ở thôn Nội xã Quý Xuyên (Thủy Nguyên) cũng “xuất gia tư để cấp quân nhu” cho Trần Hưng Đạo khi ông qua đây mà binh lương chưa đến kịp, Trần Thời còn còn xuất cả người nhà tòng quân đánh giặc”* (Nguyen Quang Ngoc, 2010).

Rõ ràng, vào thời Lý, Trần, ở nông thôn, ngoài tầng lớp tầng lớp dân nghèo còn có tầng lớp nhà giàu. Khi không có khả năng cứu đói dân nghèo hoặc thiếu lương thực để nuôi quân binh, Nhà nước đã phải dựa vào tầng lớp đó. *“Tầng lớp nhà giàu với khả năng kinh tế của mình đã chia sẻ trách nhiệm của mình với cộng đồng. Trong thời điểm lịch sử cụ thể, vai trò của họ trong xã hội như ghi chép trong chính sử là rất quan trọng”* (Nguyen Thi Phuong Chi, 2009) Và với khả năng kinh tế của họ, đôi khi họ chi phối hoạt động của triều đình. Vào cuối thời Trần, khi nhà nước kêu gọi nhà giàu cung cấp thóc gạo, tiền bạc, đổi lại, nhà nước có thể trao cho họ chức tước.

Tầng lớp nông dân

Trên cơ sở kinh tế nông nghiệp là chính, tầng lớp nông dân trong xã hội chiếm số lượng đông đảo nhất. Họ sống ở khu vực nông thôn, làm việc trong các làng, xã, thái ấp. Nông dân làng xã cày cấy trên bộ phận ruộng đất công thì có nghĩa vụ nộp tô, thuế cho nhà nước. Nông dân làm việc trong các thực ấp (thời Lý), thái ấp, ấp thang mộc (thời Trần) thân phận của họ được tự do hơn nông nô, nô tỳ. Ở xã hội nông thôn thời Lý, Trần, nông

dân là lực lượng lao động chủ yếu. Công việc chính của họ là sản xuất nông nghiệp, ngoài ra một số nông dân cũng kết hợp làm một số nghề thủ công nghiệp phục vụ cho nhu cầu gia đình như phụ nữ dệt vải, làm chiếu, đan lát, may vá... đàn ông rèn cuốc, rèn cày, thợ mộc, xây dựng... Trong xã hội nông thôn lúc đó nông nghiệp và thủ công nghiệp chưa tách biệt rõ ràng nên những người nông dân cũng là những người thợ thủ công. Sản phẩm họ làm ra chủ yếu phục vụ cho nhu cầu gia đình và xã hội. *“Nông dân cũng có nhiều loại và cuộc sống cũng không hoàn toàn như nhau. Có người cày ruộng của công xã, có người cày ruộng của địa chủ, có người làm thuê cuốc mướn. Giai cấp nông dân là lực lượng lao động chủ yếu của xã hội, cũng là lực lượng chống ngoại xâm trong thời chiến”* (Nguyen Thua Hy, 1976).

Vai trò của nông dân đối với nhà nước là thực hiện nghĩa vụ công dân như đào đắp đê, kênh, binh dịch và lao dịch, đồng thời một nghĩa vụ không thể thiếu là đóng thuế. Trong tầng lớp nông dân có nông dân giàu và nghèo. Văn bia chùa trong các thế kỷ XI đến thế kỷ XIV ghi lại nhiều trường hợp dân cúng ruộng vào chùa chứng tỏ đã tồn tại lớp nông dân giàu có, ngoài ra xã hội vẫn tồn tại bộ phận nông dân nghèo. Đặc biệt là những năm mất mùa, đói kém, nông dân phải bán con làm nô tỳ hay tự xin làm nô cho các thế gia. Khi đất nước thanh bình, khi nhà nước phong kiến còn thể hiện vai trò tích cực thì những người nông dân vẫn sống thuần hậu, chất phác và cần mẫn với việc đồng áng. Một bộ phận tham gia các đội tuần đình, dân binh làng xã. Họ là lực lượng tồn tại dưới hình thức “Tĩnh vi nông, động vi binh”. Khi đất nước có chiến tranh, nông dân là lực lượng đông đảo tham gia quân đội của nhà nước, hoặc các đội dân binh đánh giặc tại chỗ, với ý thức “quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”, cùng đánh giặc giữ làng giữ nước. Khi chính quyền nhà nước kém hiệu lực, khi quý tộc quan lại trở nên tham nhũng hà khắc, thì chính họ, những người bình dân lại là lực lượng chủ yếu tham gia các cuộc “nổi loạn” của quần chúng. Trường hợp này đã diễn ra vào cuối triều đại Lý, Trần.

Tầng lớp nông nô, nô tì.

Dưới cùng của bậc thang xã hội Đại Việt là tầng lớp nô tỳ. Thời Lý - Trần, ở khu vực nông thôn, trong các điền trang - thái ấp, tầng lớp nô tỳ tương đối nhiều về số lượng. Lúc đó, nhà nước cho phép nhà giàu nuôi người phục dịch, chiêu mộ dân nghèo, người lưu tán khai phá đất hoang lập các trang trại. Hình thức sản xuất nông nghiệp đó đã tạo ra tầng lớp lao động có địa vị thấp kém, bị phụ thuộc hoàn toàn về thân phận đối với chủ của mình. Nô tỳ là lực lượng sản xuất chính trong các điền trang. Nguồn gốc của nông nô, nô tỳ theo ghi chép của sử cũ gồm: Tù binh từ các cuộc chiến tranh như chiến tranh với Chăm, Mán, Ai lao, Cham Pa... Những tù binh bắt được hầu hết bị biến thành nô tỳ. Chiến tù là một nguồn cung cấp nô tỳ rất lớn. *“Những chiến tù bị bắt về chủ yếu bắt làm nô tỳ. Thông thường người ta coi họ là một thứ chiến lợi phẩm, một phần đem chia cho những người lập chiến công, một phần phục dịch cho nhà vua và các công sở”* (Nguyen Thua Hy, 1981).

Ở khu vực miền núi, các trấn phía bắc, bọn buôn người Trung Quốc dùng nhiều thủ đoạn bắt người sau đó mang qua biên giới rồi bán cho người Việt, người Việt chủ yếu dùng “món hàng” mua được làm nô tỳ lao động trong các mỏ kim loại, nhất là mỏ vàng; Do bị tội. Trừ những án tử hình, dân thường mắc tội tùy mức độ nặng, nhẹ mà xử phạt. Hoặc bị đày đi xa làm ruộng ở những vùng nước độc hoặc bị phạt làm điền nhi, lộ ông cày ruộng chùa, ruộng quốc khố hoặc làm sai sử hoành đi vác gỗ, đá và làm mọi việc nặng nhọc. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 3, hai hương Bà Điểm và Bàn Hà đầu hàng giặc, dân hai thôn bị bắt làm binh thang mộc và làm gia nô sai khiến. Sách Đại Việt sử ký toàn thư có ghi lại *“Xử tội đồ quân dân hai thôn Bà Điểm và Bàn Hà làm thang mộc binh, không được làm quan, ban cho tề thân làm sai sử hoành”* (Nguyen Quang Ngoc, 2009). Do tự nguyện khi cùng cực. Những năm mất mùa đói kém, nông dân buộc phải tự gán thân hay gán con đi làm nô tỳ cho quan lại,

địa chủ hay nhà giàu. Những người tự gán mình hay bị gán sẽ trở thành nô tỳ suốt đời nếu không thể trả xong vốn và lãi. Sử sách ghi lại rất nhiều dân mất mùa, đói kém, nhà vua phải phát chẩn cho dân như năm 1070, 1198, 1290... Năm 1290, “đói to, 3 thăng gạo giá một quan tiền, dân nhiều người bán ruộng đất và bán con trai, con gái làm nô tỳ cho người” (Nguyen Quang Ngoc, 2009).

Ở vùng nông thôn cũng có các loại nô tì: *tam bảo nô* và *gia nô*. Trong nhà chùa thì có *huong hóa nô*... Nô tì được giải phóng gọi là nông nô. Gia nô trong gia đình nhà giàu, quan lại địa phương hoặc điền trang có thể chia làm hai bộ phận, bộ phận sản xuất và bộ phận phi sản xuất. Đông đảo bộ phận tham gia sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp. Một bộ phận nô tì làm công việc phi sản xuất, phục vụ cho chủ như theo hầu, giặt giũ, nấu nướng, làm những công việc nhà... Lực lượng nô tì theo hầu chủ không phải là nhỏ. Ngoài ra còn có những người chuyên mua vui cho chủ như làm trò, những phường hát tuồng, phục dịch săn bắn, phục vụ ở các phòng the. Có thể nói, Ở khu vực nông thôn, lực lượng nô tì dưới thời Lý, Trần tương đối lớn (đặc biệt dưới triều Trần).

5. Kết luận

Thông qua hệ thống hành chính và hệ thống quan lại địa phương đến tận cấp xã, nhà Lý, Trần đã quản lý khá chặt chẽ các địa phương trong cả nước. Cũng qua đó, một số chính sách quan trọng của triều đình được thực hiện đến tận cấp xã. Điều đó giúp nhà Trần tăng cường quản lý, thu phục làng, xã trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vương triều. Hai triều đại Lý, Trần đều ban hành nhiều bộ luật để quản lý xã hội. Có thể nói, nhà Lý mở đầu cho thời kỳ pháp luật thành văn, đưa pháp luật thành văn chính thức đi vào cuộc sống, nhà Trần đã kế thừa di sản đó và nâng cao thêm một bước để phát triển mọi mặt của đất nước. Nét đặc sắc của pháp luật thời Lý, Trần là tinh thần pháp chế cao nhưng cái gốc của luật pháp là Nhân và đức vẫn được chú trọng. Ở khu vực nông thôn dưới thời Lý, Trần, tầng lớp chiếm số lượng đông đảo nhất chính là tầng lớp

nông dân. Tầng lớp có uy tín trong dân là tầng lớp kỳ lão. Tầng lớp có địa vị thấp hèn nhất là nô tỳ. Nhìn chung, các tầng lớp nhân dân trong xã hội nông thôn Lý, Trần là khá phong phú. Trong đó, sự phân tầng xã hội là khá rõ nhưng khoảng cách còn gần, cho phép sự tiếp xúc gần gũi, bình dị giữa dân và tầng lớp quý tộc, quan liêu và nhà vua. Mỗi quan hệ Vua, dân đã được Trần Hưng Đạo tổng kết “Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận”, cả nước góp sức. Vả lại khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước. Vì thế các tầng lớp xã hội cho dù có phân biệt về địa vị, về thành phần xuất thân nhưng đã được hài hòa đi bởi tinh thần nhân dân của các vị vua Lý - Trần và bởi tư tưởng từ bi của Đạo Phật.

REFERENCES

- Complete History of Dai Viet. (1983). volume 2,* Social Sciences Publishing House, Hanoi.
- Institute of History. (1981). *Understanding Vietnamese society during the Ly and Tran dynasties*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
- Nguyen Quang Ngoc. (2009). *Some issues of Vietnamese villages*, National University Press, Hanoi.
- Nguyen Quang Ngoc. (2010). *Ly Dynasty (1009-1226)*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
- Nguyen Thi Phuong Chi. (2009). *Economy and society of the Tran Dynasty (XIII-XIV Centuries)*, Vietnam Education Publishing House, Hanoi.
- Nguyen Thua Hy. (1976). “On the class structure of the socio-political institutions of the Ly-Tran dynasties”, *Journal of Historical Research* (no. 169), p. 42-53.
- Nguyen Thua Hy. (1981). “On the social and political structure of the Ly and Tran dynasties”, in the book *Understanding Vietnamese society during the Ly and Tran dynasties*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
- Nguyen Thua Hy. (1981). *Understanding Vietnamese society during the Ly and Tran dynasties*, in the book *Understanding Vietnamese society during the Ly and Tran dynasties*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
- Tran Trong Kim. (2005). *Brief history of Vietnam*, General Publishing House, Ho Chi Minh City.
- Truong Huu Quynh. (1982). *Land regime in Vietnam from the 11th - 18th centuries*, (volume 1), Social Sciences Publishing House, Hanoi.